

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 1261 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đắk Nông, ngày 18 tháng 8 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động  
theo quy định tại điểm 12, Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP  
ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1570/TTr-SLĐTBXH ngày 20 tháng 7 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động theo quy định tại điểm 12, Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Trên địa bàn toàn tỉnh Đắk Nông.
2. Đối tượng áp dụng: Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) cư trú trên địa bàn tỉnh Đắk Nông bị mất việc làm, không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn 1.500.000 đồng/tháng đối với khu vực nông thôn, 2.000.000 đồng/tháng đối với khu vực thành thị và làm một trong các công việc sau:

- a) Thu gom rác, phế liệu, bốc vác, vận chuyển hàng hóa.
- b) Lái xe mô tô 02 bánh chở khách (xe ôm), lái xe dịch vụ, lái xe ba gác.
- c) Bán lẻ vé số lưu động, bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định.
- d) Lao động giúp việc gia đình, lao động trong nhà trẻ, nhóm trẻ, cơ sở giáo dục mầm non tư thục; người lao động làm thuê, làm mướn những công việc không cố định; thợ xây, phụ hồ, thợ sơn, thợ nhôm - kính - sắt, thợ sửa xe, thợ điện nước, thợ trang trí nội thất, thợ sửa máy móc thiết bị.

đ) Lao động tự làm hoặc lao động làm việc trong các lĩnh vực: Ăn uống, lưu trú, du lịch, làm đẹp (thẩm mỹ viện, spa, salon gội đầu, cắt - uốn tóc, làm móng); lao động làm việc tại các cơ sở dịch vụ phải tạm dừng hoạt động theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm: Khu vui chơi, karaoke, quán bar, vũ trường, phòng trà, rạp chiếu phim, cơ sở massage, xông hơi, điểm kinh doanh trò chơi điện tử, biliards, phòng tập thể thao (Gym, yoga).

3. Nguyên tắc hỗ trợ: Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, không trùng lặp chính sách; công khai, minh bạch; không để lợi dụng, trục lợi chính sách; mỗi người chỉ được hỗ trợ 01 lần.

4. Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/lần đối với người lao động có thời gian nghỉ việc, mất việc làm từ 14 ngày liên tục trở lên, trong thời gian từ ngày 05 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Người lao động gửi thủ tục về đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 31 tháng 01 năm 2022 (theo mẫu số 01 và mẫu số 02 kèm theo Quyết định này).

b) Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát và lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ (theo mẫu số 03); gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người lao động thường trú hoặc tạm trú; niêm yết công khai danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trong 02 ngày làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và hội trường tổ dân phố (thôn), nhà sinh hoạt cộng đồng buôn, bon, bản nơi người lao động thường trú để có sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư; tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

c) Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ (theo mẫu số 04 và mẫu số 05 kèm theo Quyết định này).

6. Đơn vị chi trả: Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc.



## **Điều 2. Nguồn kinh phí và nhiệm vụ thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động khác (nếu có).

2. Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc bảo đảm kinh phí để thực hiện và thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo đúng quy định.

3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

4. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức rà soát kỹ các đối tượng thực sự khó khăn bị ảnh hưởng do tác động của dịch bệnh COVID-19, làm rõ các tiêu chí hỗ trợ cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *Đ*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Thường trực các Huyện, Thành ủy (p/h chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX(Hp).

14

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Đ*  
**Hồ Văn Mười**

### **Phụ lục**

(Kèm theo Quyết định số ~~1261~~ 1261/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Mẫu số 01	Đề nghị hỗ trợ
Mẫu số 02	Giấy cam kết
Mẫu số 03	Danh sách người lao động không có giao kết hợp đồng lao động phải nghỉ việc hoặc mất việc làm hưởng chính sách hỗ trợ (do xã/phường/thị trấn thẩm định phê duyệt)
Mẫu số 04	Danh sách người lao động không có giao kết hợp đồng lao động phải nghỉ việc hoặc mất việc làm hưởng chính sách hỗ trợ (do huyện/thành phố thẩm định phê duyệt)
Mẫu số 05	Tổng hợp số lao động không có giao kết hợp đồng lao động phải nghỉ việc hoặc mất việc làm hưởng chính sách hỗ trợ và số tiền hỗ trợ

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Dành cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn).....

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....
2. Dân tộc: ..... Giới tính: .....
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....  
Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....
4. Nơi ở hiện tại:.....  
Nơi thường trú: .....  
Nơi tạm trú: .....
- Điện thoại liên hệ: .....

**II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CHÍNH TRƯỚC KHI MẤT VIỆC LÀM**

1. Công việc chính <sup>1</sup>:

- Thu gom rác, phế liệu, bốc vác, vận chuyển hàng hóa.
- Lái xe mô tô 02 bánh chở khách (xe ôm), lái xe dịch vụ, lái xe ba gác.
- Bán lẻ vé số lưu động, bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định.
- Lao động giúp việc gia đình, lao động trong nhà trẻ, nhóm trẻ, cơ sở giáo dục mầm non tư thục; người lao động làm thuê, làm mướn những công việc không cố định; Thợ xây, phụ hồ, thợ sơn, thợ nhôm – kính-sắt, thợ sửa xe, thợ điện nước, thợ trang trí nội thất, thợ sửa máy móc thiết bị;
- Tự làm hoặc lao động làm việc trong các lĩnh vực: Ăn uống, lưu trú, du lịch, cơ sở làm đẹp (thẩm mỹ viện, spa, salon gội đầu, cắt - uốn tóc, làm móng); Lao động làm việc tại các cơ sở dịch vụ phải tạm dừng hoạt động theo chỉ đạo của UBND tỉnh gồm: Khu vui chơi, Karaoke, quán bar, vũ trường, phòng trà, rạp chiếu phim, cơ sở massage, xông hơi, điểm kinh doanh trò chơi điện tử, biliards, phòng tập thể thao (Gym, yoga).

2. Nơi làm việc <sup>2</sup>: .....



3. Thu nhập bình quân tháng trước khi mất việc làm:..... đồng/tháng

### **III. THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP HIỆN NAY**

1. Công việc chính: .....

2. Thu nhập hiện nay: ..... đồng/tháng.

Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, tôi đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

Tài khoản (Tên tài khoản:..... Số tài khoản: ..... Ngân hàng: .....)

Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)

Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....ngày .... Tháng .... năm 2021

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

#### **Ghi chú:**

1. Công việc đem lại thu nhập chính cho người lao động.
2. Trường hợp làm việc cho hộ kinh doanh thì ghi tên, địa chỉ hộ kinh doanh.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CAM KẾT**

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn: .....

Tôi tên: .....

Sinh ngày: .....

CMND/CCCD số: ..... Cấp ngày: ..... Tại: .....

Địa chỉ thường trú/tạm trú: .....

Chỗ ở hiện nay: .....

Điện thoại: .....

Ngày ..... tháng .... năm 2021, tôi có làm đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ do bị mất việc làm do ảnh hưởng của dịch COVID-19 tại UBND cấp xã.....

Tôi cam kết ngoài chế độ được hỗ trợ tại UBND cấp xã.....  
tôi chưa/không làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại địa phương khác. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

..... ngày .... tháng .... năm 2021

**NGƯỜI CAM KẾT**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Tỉnh.....  
 Huyện.....  
 Xã.....

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG  
 PHẢI NGHỈ VIỆC HOẶC MẤT VIỆC LÀM HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**  
*(Dùng cho UBND cấp xã lập, thẩm định phê duyệt)*

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Tên công việc làm	Lý do phải nghỉ việc/ mất việc làm	Thời gian phải nghỉ việc hoặc mất việc làm			Số tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (Số văn bản/ cơ quan quyết định tạm dừng hoạt động)
					Từ ngày/ tháng	Đến ngày/ tháng	Tổng số ngày		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									
...									
	<b>Tổng cộng</b>								

**NGƯỜI LẬP**  
*(kỳ, ghi rõ họ và tên)*

..... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...**  
*(Ký, đóng dấu)*





Tỉnh.....  
 Huyện.....

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG  
 PHẢI NGHỈ VIỆC HOẶC MẤT VIỆC LÀM, SỐ TIỀN HUỖNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

TT	Tên Xã/phường/thị trấn...	Số lao động được hỗ trợ (người)			Số tiền hỗ trợ (đồng)			Ghi chú
		Tổng số	Số tiền	Tổng	Tổng số	Số tiền	Tổng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG</b>							

**NGƯỜI LẬP**  
 (ký, ghi rõ họ và tên)

..... ngày ..... tháng ..... năm.....  
**UBND HUYỆN/TP...**  
 (Ký, đóng dấu)